

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỎ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Ngọc Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp: Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 42/2023/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2023, về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp số: 16/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Chang Thị C, sinh năm: 1974, địa chỉ: Bản Hợp 1, xã D, huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu, có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã D, huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu, địa chỉ: Bản Hợp 1, xã D, huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ma A N - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu, có đơn xin vắng mặt.

+ Anh Giàng A S, sinh năm: 1996, địa chỉ: Bản H, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu, có mặt.

+ Chị Tần Tả M, sinh năm: 1995, địa chỉ: Bản H, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu, có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và lời khai trong quá trình giải quyết vụ việc, người yêu cầu là bà Chang Thị C trình bày:

Bà Chang Thị C là mẹ đẻ của anh Giàng A S. Anh Giàng A S, sinh ngày 05/9/1996 và chị Tần Tả M, sinh ngày 24/6/1995, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu, ngày 22/7/2015. Khi đi đăng ký kết hôn, anh S không cung cấp được các giấy tờ tùy thân, chỉ khai ngày sinh là ngày 05/9/1993. Ủy ban nhân dân xã D căn cứ vào lời khai của anh S để làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh S, chị M. Việc anh S và chị M đăng ký kết hôn ngày 22/7/2015, tại Ủy ban nhân dân xã D đã vi phạm về điều kiện kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của luật Hôn nhân và gia đình nên bà Chang Thị C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Giàng A S và chị Tần Tả M theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 41/2015, cấp ngày 22/7/2015, của Ủy ban nhân dân xã D, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Quá trình giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã D, người đại diện theo pháp luật là ông Ma A N, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đề nghị Tòa án giải quyết việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Giàng A S và chị Tần Tả M theo đúng quy định của pháp luật, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên họp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Giàng A S và chị Tần Tả M đều trình bày: Anh Giàng A S sinh ngày 05/9/1996, chị Tần Tả M sinh ngày 24/6/1995. Anh S và chị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Do không hiểu biết rõ về pháp luật, anh S và chị M đã đi đăng ký kết hôn vào ngày 22/7/2015, tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Khi đi đăng ký kết hôn, anh S chưa đủ tuổi kết hôn đúng như lời khai của bà Chang Thị C. Từ khi kết hôn đến nay, anh S và chị M sống hạnh phúc với nhau, cả hai đều mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, xây dựng hạnh phúc gia đình nên anh S và chị M đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ khi anh S đủ tuổi kết hôn là ngày 05/9/2016, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xem xét các giấy tờ tùy thân do anh S cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã D cho thấy: Anh Giàng A S có ngày, tháng, năm sinh chính xác là ngày 05/9/1996, chị Tần Tả M có ngày, tháng, năm sinh chính xác là ngày 24/6/1995. Tính đến ngày đăng ký kết hôn là ngày 22/7/2015, anh S chưa đủ 20 tuổi. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân xã D đã căn cứ vào lời khai của anh S để làm thủ tục đăng ký kết hôn mà không yêu cầu cung cấp giấy tờ tùy thân để xác định chính xác ngày, tháng, năm sinh của anh S nên dẫn đến sai sót như trên. Hiện nay, tại Ủy ban nhân dân xã D chỉ có sổ theo dõi đăng ký kết hôn và tờ khai đăng ký kết hôn của anh S, chị M, ngoài ra, không còn lưu giữ tài liệu gì về việc đăng ký kết hôn cho anh S, chị M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về giải quyết việc dân sự: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 361, 362, 366, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của bà Chang Thị C, hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Giàng A S và chị Tần Tả M theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2015, do Ủy ban nhân dân xã D, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu cấp ngày 22/7/2015. Chấp nhận đề nghị của anh Giàng A S và chị Tần Tả M, công nhận quan hệ hôn nhân của anh Giàng A S và chị Tần Tả M kể từ thời điểm anh S đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 05/9/2016. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu thuộc trường hợp không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ nhận định:

[1] Bà Chang Thị C là mẹ đẻ của anh Giàng A S nên bà Cha có quyền yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Tần Tả M và Anh Giàng A S theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc đăng ký kết hôn giữa Anh Giàng A S và chị Tần Tả M được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên họp, người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã D vắng mặt và đã có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 361; 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu giải quyết việc dân sự của người yêu cầu là bà Chang Thị C: Anh Giàng A S, sinh ngày 05/9/1996 và chị Tần Tả M, sinh ngày 24/6/1995 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu ngày 22/7/2015. Tại thời điểm đăng ký

kết hôn, anh S chưa đủ 20 tuổi nên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình là nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên. Vì vậy, việc bà Chang Thị C yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh S và chị M theo giấy chứng nhận kết hôn số 41/2015, cấp ngày 22/7/2015, của Ủy ban nhân dân xã D, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[4] Về ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Giàng A S và chị Tần Tả M: Việc đăng ký kết hôn giữa anh S và chị M vào ngày 22/7/2015, tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Phong Thổ vi phạm quy định về độ tuổi của anh S, ngoài ra không vi phạm các điều kiện khác về đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình. Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thì anh S đã đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn. Anh S và vợ là chị M đang chung sống hạnh phúc, anh chị đều có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình và đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị, kể từ thời điểm anh S đủ tuổi kết hôn, là ngày 05/9/2016. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình, Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án xét thấy đề nghị của anh S, chị M là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, người yêu cầu không phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 8, các Điều: 10, 11, 12 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 149, 238, 361, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Chang Thị C. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Giàng A S và chị Tần Tả M theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 41/2015, cấp ngày 22/7/2015, của Ủy ban nhân dân xã D, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân của Anh Giàng A S và chị Tần Tả M kể từ ngày 05/9/2016.

3. Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự là Ủy ban nhân dân xã D có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự là anh Giàng A S, chị Tần Tả M có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Đỗ Thị Hạnh